

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2022.

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.
2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 19/4/2022. Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST - DS ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST - DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại C.

Địa chỉ Trụ Sở: Tòa nhà C, số 109 đường T, phường Cửu N, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc – Chi nhánh Dung Q,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T, theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng T.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Ngọc A, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng T, theo Quyết định số: 317/2022/QĐ-LPB.DQ ngày 12/7/2022.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 01 An Dương V, phường Lê Hồng P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh 1987 (vắng mặt không có lý do).

Bà Cao Thị Ánh T, sinh năm 1990. (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, bản trình bày ngày 18/5/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn đại diện Ngân hàng trình bày:*

Ông Nguyễn Văn P, bà Cao Thị Ánh T và Ngân hàng T ký kết 04 Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181060 ngày 21/9/2018, tạm tính đến ngày 09/9/2022 còn nợ tổng số tiền 384.509.461 đồng, trong đó nợ gốc 318.119.935 đồng, nợ lãi trong hạn 53.125.871 đồng, nợ lãi quá hạn 13.263.655 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181259 ngày 19/11/2018, tạm tính đến ngày 09/9/2022, còn nợ tổng số tiền 189.233.839 đồng, trong đó nợ tiền gốc 156.580.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.208.016 đồng, nợ lãi quá hạn 6.445.823 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020200321 ngày 16/4/2020, tạm tính đến ngày 09/9/2022 còn nợ tổng số tiền còn nợ tổng số tiền 253.488.070 đồng, trong đó nợ tiền gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.772.055 đồng, nợ lãi quá hạn 51.716.015 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020201142 ngày 19/11/2020, tạm tính đến ngày 09/9/2022, còn nợ tổng số tiền 57.349.172 đồng, trong đó nợ tiền gốc 46.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.638.537 đồng, nợ lãi quá hạn 7.710.635 đồng.

Lãi suất trong hạn 8,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn: 10%/năm, được quy định tại khoản 2.4 của hợp đồng tín dụng.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất Số: 1200, tờ bản đồ số: 9, diện tích 154,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 921093, sổ vào sổ cấp GCN: CS 06264, tại thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, đứng tên ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp vào ngày 12/9/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018. Kể từ khi khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn, phía Ngân hàng nhiều lần đôn đốc như ông Phước, bà Tuyết vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T trả nợ của 04 khoản vay số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2022 là **884.580.542 đồng** (Tám trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng).

Trong trường hợp ông P, bà T không trả nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

- Theo bản trình bày ngày 07/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày như sau:

Ông và bà Cao Thị Ánh T có vay của Ngân hàng T 04 Hợp đồng và còn nợ số tiền Ngân hàng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181060 ngày 21/9/2018 còn nợ tổng số tiền 361.056.601 đồng, trong đó nợ gốc 318.120.000 đồng, nợ lãi trong hạn 36.956.866 đồng, nợ lãi quá hạn 5.979.734 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181259 ngày 19/11/2018 còn nợ tổng số tiền 177.606.318 đồng, trong đó nợ tiền gốc 156.580.000 đồng, nợ lãi trong hạn 18.120.603 đồng, nợ lãi quá hạn 2.905.715 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020200321 ngày 16/4/2020 còn nợ tổng số tiền 235.144.992 đồng, trong đó nợ tiền gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.749.041 đồng, nợ lãi quá hạn 33.395.950 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020201142 ngày 19/11/2020 còn nợ tổng số tiền 52.857.244 đồng, trong đó nợ tiền gốc 46.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.638.537 đồng, nợ lãi quá hạn 3.218.707 đồng.

Tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất Số: 1200, tờ bản đồ số: 9, diện tích 154,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 921093, số vào sổ cấp GCN: CS 06264, tại thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, đứng tên ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp vào ngày 12/9/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông và bà T trả nợ cho Ngân hàng, ông đồng ý.

- Bị đơn bà Cao Thị Ánh T hiện nay không có mặt tại địa phương và cũng không có văn bản trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Phước bà Cao Thị Ánh Tuyết vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T trong 04

Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 09/9/2022 tổng số tiền **884.580.542 đồng**. Trong trường hợp ông P, bà T không trả nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ. Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Theo biên bản xác minh ngày 04/7/2022 của Tòa án, Công an xã Nghĩa H cho biết bà Cao Thị Ánh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay bà không có tại địa phương đi đâu không biết, vì bà T không báo. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án các văn bản tố tụng Tòa án đều thực hiện đầy đủ và hợp lệ được quy định tại các Điều 173, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông P bà T vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T có vay của Ngân hàng T 04 Hợp đồng tín dụng và còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi như sau:

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181060 ngày 21/9/2018, tạm tính đến ngày 09/9/2022 còn nợ tổng số tiền 384.509.461 đồng, trong đó nợ gốc 318.119.935 đồng, nợ lãi trong hạn 53.125.871 đồng, nợ lãi quá hạn 13.263.655 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181259 ngày 19/11/2018, tạm tính đến ngày 09/9/2022, còn nợ tổng số tiền 189.233.839 đồng, trong đó nợ tiền gốc 156.580.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.208.016 đồng, nợ lãi quá hạn 6.445.823 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020200321 ngày 16/4/2020, tạm tính đến ngày 09/9/2022 còn nợ tổng số tiền còn nợ tổng số tiền 253.488.070 đồng, trong đó

nợ tiền gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.772.055 đồng, nợ lãi quá hạn 51.716.015 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020201142 ngày 19/11/2020, tạm tính đến ngày 09/9/2022, còn nợ tổng số tiền 57.349.172 đồng, trong đó nợ tiền gốc 46.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.638.537 đồng, nợ lãi quá hạn 7.710.635 đồng.

Như vậy Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T còn nợ Ngân hàng 04 Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 09/ 09/9/2022 tổng số tiền là **884.580.542 đồng**, trong đó nợ tiền gốc 720.699.935, nợ tiền lãi trong hạn 88.816.577, nợ tiền lãi quá hạn 79.136.128 đồng (có bảng kê kèm theo). Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181060 ngày 21/9/2018, Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181259 ngày 19/11/2018, Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020200321 ngày 16/4/2020, Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020201142 ngày 19/11/2020, là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T trong thời kỳ hôn nhân vay 04 hợp đồng tín dụng và chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đến năm 2020 ông, bà ly hôn trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa thụ lý giải quyết thì ông P và bà T trốn tránh việc trả nợ nên không khai báo có nợ tiền vay của Ngân hàng và từ ngày ly hôn cho đến nay ông p, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay, tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó cần phải buộc ông P và bà T có trách nhiệm số tiền nêu trên cho Ngân Hàng.

Để đảm bảo cho việc vay ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất Số: 1200, tờ bản đồ số: 9, diện tích 154,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 921093, số vào sổ cấp GCN: CS 06264, tại thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, đứng tên ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp vào ngày 12/9/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018.

Trong trường hợp ông P, bà T không trả nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí 2.000.000 đồng, chi phí đo vẽ số tiền 5.000.000 đồng. Ngân hàng T tạm ứng trước đã chi xong. Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, Điều 173 Điều 177, Điều 179, khoản 4 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Luật Dân sự năm 2015, Khoản 1 khoản 2 Điều 91 và khoản 5 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T, tạm tính đến ngày 09/9/2022. Tổng số tiền là **884.580.542** đồng, trong đó nợ tiền gốc 720.699.935, nợ tiền lãi trong hạn 88.816.577, nợ tiền lãi quá hạn 79.136.128 đồng (có bảng kê kèm theo). Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 10/9/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181060 ngày 21/9/2018, Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020181259 ngày 19/11/2018, Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020200321 ngày 16/4/2020, Hợp đồng tín dụng số: HDTD 40020201142 ngày 19/11/2020.

Trong trường hợp ông P, bà T không trả nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Thửa đất Số: 1200, tờ bản đồ số: 9, diện tích 154,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 921093, sổ vào sổ cấp GCN: CS 06264, tại thôn Thu X, xã Nghĩa H, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, đứng tên ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T, do Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Quảng Ngãi cấp vào ngày 12/9/2018 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 255/2018/HDTC/CNDUNGQUAT ngày 21/9/2018 để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông P, bà T tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T phải chịu số tiền 38.537.416 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm (884.580.542 đồng = 800.000 đồng = 36.000.000 đồng; 84.580.542 đồng x 3% = 2.537.416 đồng). Hoàn trả lại số tiền 18.399.977 đồng, tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002068 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí 2.000.000 đồng, chi phí đo vẽ số tiền 5.000.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt tạm ứng trước đã chi xong. Ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị Ánh T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng cho Ngân hàng.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông